

# CHÍNH SÁCH THỐNG TRỊ CỦA THỰC DÂN ANH Ở MIẾN ĐIỆN TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỶ XIX - NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TỚI PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

ĐÀO TUẤN THÀNH\*

## 1. Khái quát về tình hình Miến Điện trong những năm cuối thế kỷ XIX

Đến giữa thế kỷ XIX, Anh hoàn thành quá trình xâm lược Ấn Độ. Việc đánh bại Trung Quốc trong cuộc Chiến tranh thuốc phiện thứ nhất (1840 - 1842), buộc nước này ký Hiệp ước Nam Kinh (1842) chấp nhận mở cửa biên giới đã khiến cho Anh càng thêm muốn đẩy nhanh hơn nữa quá trình chinh phục Miến Điện nhằm phục vụ cho tham vọng “*phát triển thương mại với vùng phía tây Trung Quốc bằng con đường Miến Điện, từ Bhamo chạy vào Vân Nam*”<sup>(1)</sup>. Chính phủ Anh ở Ấn Độ rất quan tâm tới việc làm sống lại con đường bộ ngày xưa từ Belgan tới Trung Quốc, thậm chí các nhà chức trách Calcutta còn xuất bản một tấm bản đồ có các tuyến đường có thể đi được tới Vân Nam. Theo chúng tôi, đây chính là lý do khiến chính quyền Anh

đẩy mạnh quá trình xâm lược toàn Miến Điện (sau khi đã chiếm được Tenasserim năm 1826) trong những năm nửa cuối thế kỷ XIX. Việc năm 1862, Chính phủ Anh ở Ấn Độ đã cử Phayre thực hiện chuyến công du sang Mandalay, và cũng trong năm này Anh đã thống nhất ba xứ Arakan, Tenasserim và Pegu thành tỉnh Miến Điện thuộc Anh đã “*gây ấn tượng sâu sắc*”<sup>(2)</sup> đối với nhà vua Miến Điện khi đó là Mindon<sup>(3)</sup>. Trước hành động của vua Mindon thuê kỹ thuật viên người Pháp làm việc ở Mandalay (giúp xây dựng cung điện, giám sát việc đúc tiền, vận hành nhà máy sản xuất vũ khí), và thương thảo các hiệp định thương mại với Pháp và Italia năm 1873<sup>(4)</sup>, Chính quyền Anh ngày càng lo ngại mưu đồ của người Pháp đối với Miến Điện. Chính phủ Anh gia tăng sức ép với vua Mindon khi đưa ra một chỉ thị mang tính “*tối hậu thư*” cuối

\* TS. Đào Tuấn Thành, khoa Lịch sử, trường ĐHSPT Hà Nội

năm 1873 là “trong tương lai, đại diện Anh ở Mandalay sẽ không cỡi giày khi tiếp kiến nhà vua”<sup>(5)</sup>. Điều này khiến Mindon không thể chấp nhận, kể từ đó, đại diện Anh không còn được nhà vua tiếp nữa.

Những lợi ích do sự tăng cường quan hệ kinh tế giữa Miến Điện với Ấn Độ thuộc Anh đem lại<sup>(6)</sup> càng khiến cho Anh càng thêm muốn độc chiếm toàn bộ vương quốc Miến Điện.

Việc Chính phủ Anh năm 1871 quyết định lập quan hệ với triều đình Ava thông qua Toàn quyền Anh ở Ấn Độ đã xúc phạm nghiêm trọng đến lòng tự trọng của vua Mindon, vì “Ông không thích bị đối xử như một tiểu vương Ấn Độ”<sup>(7)</sup> và làm xấu đi đáng kể mối quan hệ Anh - Miến Điện.

Sau khi vua Midon mất năm 1878, do đang gặp khó khăn ở Apganixtan và Nam Phi nên Anh chưa thể tiếp tục xâm lược ngay Miến Điện. Sự kiện nhà vua mới Thibaw cử một phái đoàn sang châu Âu, bề ngoài là để thu thập thông tin về khoa học và công nghệ, song thực chất là để tìm kiếm đồng minh (phái đoàn này đi thẳng sang Pari và Chính phủ Anh biết được rằng Miến Điện muốn nhập khẩu vũ khí). Điều này đã khiến Anh phải hành động gấp để đối phó với mưu đồ và tham vọng của Pháp ở Miến Điện, đặc biệt là thời điểm Pháp đã hoàn thành việc xâm chiếm Việt Nam (1884). Tháng 8 năm 1885, Chính phủ Anh ở Ấn Độ đã thông qua một nghị quyết chỉ rõ: “việc người Pháp thiết lập ảnh hưởng độc quyền hoặc khống chế tại Thượng Miến sẽ gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với phần thuộc địa Miến Điện của chúng ta và đối với Ấn Độ và do

đó cần phải được ngăn chặn dù cho có cả nguy cơ nổ ra chiến sự”<sup>(8)</sup>.

Từ những diễn biến trên có thể giúp chúng ta lý giải việc Chính quyền Anh gấp rút đưa quân vào đánh chiếm kinh đô Mandalay vào nửa cuối tháng 11 năm 1885 không nằm ngoài mục đích phải nhanh chóng độc chiếm nốt phần Thượng Miến Điện, gạt mọi ảnh hưởng của người Pháp ra khỏi khu vực này.

Sau khi đánh bại vua Thibaw một cách chóng vánh, Chính phủ Anh ở Ấn Độ muốn đặt Miến Điện dưới chế độ bảo hộ với việc đưa một thành viên trong Hoàng tộc được chấp thuận lên làm vua. Tuy vậy, viện có “không có ứng cử viên thích hợp”, ngày 1 tháng 1 năm 1886 đã có một tuyên bố về việc sáp nhập các lãnh thổ trước kia của vua Thibaw vào thuộc địa Anh. Sau cuộc gặp giữa Phó vương (Viceroy), Dufferin và Tổng tư lệnh (Commander - in - Chief) Frederick Roberts tại Mandalay vào tháng 2 năm 1886, Chính quyền Anh ở Ấn Độ cho rằng, vùng lãnh thổ đã sáp nhập phải được cai trị trực tiếp. Vì thế, Miến Điện được thống nhất thành một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh và Charles Bernard được cử làm Chánh Cao ủy (Chief Commissioner)<sup>(9)</sup>.

Trong hệ thống thuộc địa rộng lớn của đế quốc Anh, bên cạnh chính sách “chia để trị”, thực dân Anh còn thực hiện cả chính sách “hợp để trị”. Có thể coi sự kiện Miến Điện bị sáp nhập vào Ấn Độ thuộc Anh là một ví dụ điển hình cho chính sách “hợp để trị”.

## 2. Hệ quả của việc sáp nhập Miến Điện vào Ấn Độ thuộc Anh

Việc Chính quyền Anh quyết định sáp nhập Miến Điện vào Ấn Độ thuộc Anh đã để lại những hậu quả lâu dài đối với đất nước này. Nhà nghiên cứu hàng đầu về lịch sử Đông Nam Á thời cận - hiện đại D. G. E. Hall cho rằng đây là *"sai lầm lớn nhất của Anh trong quan hệ với Miến Điện"*<sup>(10)</sup>. Trong quá trình tổ chức cai trị và bóc lột Miến Điện, thực dân Anh đã tiêu chuẩn hóa nên hành chính đất nước này theo mô hình Ấn Độ. Sự khác biệt về văn hóa, truyền thống lịch sử và cấu trúc dân cư giữa Miến Điện và Ấn Độ đã khiến cho nhiều chính sách thống trị mà thực dân Anh áp dụng thành công ở Ấn Độ, song lại thất bại hay có hiệu quả thấp ở Miến Điện. Theo học giả D. G. E. Hall *"mặc dù về lý thuyết, phương pháp cai trị trực tiếp của Bengal được sử dụng, trên thực tiễn, việc cai trị gián tiếp giống như hệ thống của Hà Lan ở Java lại chiếm ưu thế. Cuộc sống của người dân thường vẫn diễn ra như xưa, dưới thời Miến Điện còn cai trị"*<sup>(11)</sup>. Mối liên hệ giả tạo giữa Ấn Độ và Miến Điện còn đưa đến những sai lầm khác của chính quyền Anh. Trong bối cảnh ở Miến Điện *"Đạo Phật gần như đồng nhất với tinh thần dân tộc"*<sup>(12)</sup> thì việc các nhà cai trị Anh ở Miến Điện có thái độ tiêu cực đối với Phật giáo - tôn giáo chính thức của Miến Điện, vốn luôn nhận được sự hỗ trợ và bảo vệ thỏa đáng của tất cả các vị vua, kể từ thời vua Anawrahta xứ Pagan (1044 - 1077) - đã khiến cho Chính quyền Anh gặp nhiều khó khăn trong việc vận động Thathanabaing, người đứng đầu Hội đồng tôn giáo dưới thời vua Thibaw, chịu đứng ra thuyết giảng kêu gọi nhân dân Miến Điện thần

phục chế độ thống trị Anh.

Một thực tế là từ sau năm 1871, chức vụ của người đứng đầu bộ máy thống trị Anh ở Miến Điện là Chánh cao ủy (sau đó được gọi là Phó Toàn quyền) thường được giao cho những người đào tạo ở Ấn Độ và họ luôn quay trở lại Ấn Độ sau khi được thăng cấp. Vì vậy mà *"hầu hết trong số họ đều không bao giờ học tiếng Miến và chỉ có một kiến thức hời hợt về đất nước này"*<sup>(13)</sup>. Đối với nhiều người đàn ông Anh, khi muốn có một vị trí cao trong sự nghiệp của mình, họ thường tìm đến Ấn Độ để thi thố tài năng, còn việc phải đến làm việc ở Miến Điện thì được coi là *"một tai nạn nghề nghiệp hoặc chỉ là sự lựa chọn thứ hai"*<sup>(14)</sup>. Chúng tôi cho rằng, đây cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho công cuộc bình định của Chính quyền Anh ở Miến Điện trong những năm cuối thế kỷ XIX gặp rất nhiều khó khăn, phải mất 5 năm và lúc cao điểm đã phải huy động tới 32.000 quân và 8.500 quân cảnh, Anh mới tạm dẹp yên được sự chống đối của các lực lượng yêu nước Miến Điện.

Ngay trong những năm cuối thế kỷ XIX, song song với quá trình bình định Miến Điện, Chính quyền thực dân Anh cũng đã thực hiện một số chính sách cai trị nhằm kiểm soát tốt hơn tình hình Miến Điện.

Trong thành phần của bộ máy quan liêu, hầu hết các quan chức, đặc biệt là ở cấp cao đều do người Anh nắm giữ. Nếu còn thiếu, thực dân Anh thường đưa người Ấn Độ sang bổ sung. Như vậy, người Miến Điện đã bị loại ra khỏi bộ máy nhà nước. Quân đội và cảnh sát cũng là những

ngành có đông đảo người Ấn Độ phục vụ.

Giáo dục cũng là một trong những lĩnh vực được Anh quan tâm, nó được thay đổi cho phù hợp với các chính sách thống trị của chính quyền thực dân ở Miến Điện<sup>(15)</sup>. Sự giảm sút ảnh hưởng của Phật giáo Miến Điện đối với nền giáo dục đã khiến cho các nhà sư tăng cường hoạt động, họ muốn khôi phục lại ảnh hưởng của họ trên tư cách là những người thầy của nhân dân. Trong nhiều thế kỷ, các trường học của nhà chùa đã góp phần quan trọng trong hoạt động nâng cao trình độ dân trí của nhân dân, và đây cũng là cách thức có hiệu quả để củng cố vai trò “quốc đạo” của Phật giáo. Để loại bỏ bớt ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống tâm linh của người Miến Điện, thực dân Anh tìm cách đưa các môn thể tục vào trường - chùa, trợ giúp sách, thiết bị, tiền để xây dựng trường sở. Tuy nhiên, thái độ bất hợp tác của các nhà sư đã khiến cho mưu đồ của Anh không dễ gì thực hiện. Sau khi vùng Thượng Miến bị Anh thôn tính, người đứng đầu Hội đồng tôn giáo (Thathanabaing) đã cấm giáo dục thể tục trong trường của tăng viện. Tuy nhiên, việc Chính quyền thực dân Anh khuyến khích và hỗ trợ tích cực cho sự thành lập, hoạt động của các trường của chính phủ dạy song ngữ Anh - Miến cũng đã khiến cho hệ thống giáo dục tăng viện truyền thống bị sa sút. Chính sách giáo dục của chính quyền thực dân Anh ở Miến Điện là nhằm biến đổi nó sao cho giáo dục chuẩn bị có hiệu quả đội ngũ các viên chức, thư ký nói tiếng Anh thành thạo trong bộ máy cai trị cũng như trong hoạt động thương mại, đội ngũ này có các kĩ năng cần thiết

đáp ứng được yêu cầu “hiện đại hóa bộ máy quan liêu”<sup>(16)</sup>. Thành thị trở thành các trung tâm của hoạt động giáo dục. Chính quyền Anh đã đào tạo đội ngũ của bộ máy quan liêu trên cơ sở không dựa theo chế độ cha truyền con nối, và họ cũng không xuất thân từ giới quyền quý cũ. Cư dân ở khu vực phía nam Miến Điện - nơi bị sáp nhập và chịu sự thống trị của thực dân Anh sớm nhất - được hưởng những lợi thế khi vào học tại các trường do chính phủ Anh mở và dễ tìm kiếm được một vị trí nào đó trong “trật tự mới”<sup>(17)</sup> so với các phần lãnh thổ còn lại của Miến Điện. Theo kết quả nghiên cứu của D. G. E. Hall, năm 1900 đã có 16 trường của các phái bộ truyền giáo và một trường cao đẳng nhỏ ở Rangun của dòng tu Baptist để đào tạo sinh viên người Karen. Cục Sư phạm cũng duy trì 5 trường sư phạm để đào tạo giáo viên. Ngoài trường Trung học và Cao đẳng<sup>(18)</sup> của chính phủ ở Rangun còn có một số trường kỹ thuật về trắc địa, cơ khí sơ cấp, lâm nghiệp và hộ sinh. Trên toàn quốc có 17.000 học sinh bản xứ, trong đó có 341 trường nữ sinh<sup>(19)</sup>. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng những con số trên về “thành tích” của giáo dục Miến Điện dưới ách thống trị của thực dân Anh trong những năm đầu thế kỷ XX không phải để phục vụ cho việc nâng cao trình độ dân trí cho người dân nước này, mà về thực chất nó chỉ nhằm chuẩn bị tốt hơn đội ngũ trung gian người bản xứ, cần cho bộ máy quan liêu Anh ở Miến Điện.

Những biến cố lớn của lịch sử diễn ra trong hai thập niên đầu của thế kỷ XX đã có tác động rất lớn tới tinh thần dân tộc của nhiều khu vực trên thế giới, trong đó

có châu Á. Tác động của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (1917) và quyền dân tộc tự quyết được nêu ra tại Hội nghị hòa bình Versailles hợp vào lúc kết thúc Chiến tranh thế giới thứ nhất đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nhà yêu nước châu Á, trong đó có Miến Điện. Hệ quả là chủ nghĩa dân tộc, và nhất là quyền của các nước nhược tiểu đã trở thành chủ đề thảo luận chính và “ngày càng có nhiều người Miến Điện, Việt Nam và Indônêxia đã đạt được trình độ giáo dục cao của châu Âu ở trong nước họ hoặc đến các trung tâm học thuật nổi tiếng ở châu Âu, và do đó nhất thiết họ đã tiếp thu chất men say của tư tưởng chính trị phương Tây”<sup>(20)</sup>.

Do là một bộ phận của Ấn Độ thuộc Anh trong nửa thế kỷ (1886 - 1937), nên những diễn biến của phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ trong những năm cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX có ảnh hưởng rất lớn tới những nhà yêu nước và trí thức Miến Điện. Sự ra đời của Đảng Quốc dân Đại hội Ấn Độ (Đảng Quốc Đại - Indian National Congress) ngày 28 tháng 12 năm 1885 tại Bombay và hoạt động của đảng này trong phong trào giải phóng dân tộc Ấn Độ có ảnh hưởng quan trọng tới phong trào đấu tranh của nhân dân Miến Điện.

D. G. E. Hall đã có lý khi cho rằng các phong trào dân tộc lên cao ở Miến Điện, Đông Dương và Indônêxia chịu ảnh hưởng rất mạnh của các diễn biến ở những nơi khác của châu Á (sự trỗi dậy của Nhật Bản, Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc năm 1911, vai trò ngày càng lớn của phái đòi độc lập trong Đảng Quốc đại ở Ấn Độ,

sự nổi lên của Mohandas Karamchand Gandhi và việc ông thúc đẩy phong trào bất hợp tác chống lại sự thống trị của Anh ở Ấn Độ) đã “càng khơi dậy lòng nhiệt tình của các phong trào dân tộc trước viễn cảnh châu Á đang rũ bỏ xiềng xích”<sup>(21)</sup>.

Trong những năm đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa dân tộc Miến Điện sau một thời gian tạm lắng đã bắt đầu tự biểu lộ trên lĩnh vực văn hóa dưới sự lãnh đạo của những người xuất thân từ “tầng lớp tinh hoa mới”<sup>(22)</sup>. Đạo Phật cũng bắt đầu hồi sinh trong dân chúng thế tục. Biểu hiện cụ thể cho hiện tượng này là sự ra đời của các tổ chức Phật giáo. Năm 1906, *Hội Thanh niên Phật giáo* (Young Men's Buddhist Association) được thành lập. Năm 1916, tổ chức này đã phát động một phong trào chống lại việc đi giày trong các ngôi chùa và các chốn linh thiêng khác. Tuy đây là cuộc đấu tranh mang màu sắc tôn giáo song ẩn đằng sau nó là tính chất chính trị, đối tượng của cuộc đấu tranh chính là nhằm vào người châu Âu nói chung, trước tiên là người Anh. Năm 1918, sau khi 50 chi nhánh của *Hội Thanh niên Phật giáo* tổ chức các cuộc đấu tranh mạnh mẽ trong phạm vi cả nước Miến Điện, một đạo luật khác của chính quyền Anh cũng đã được ban hành cho phép các Tu viện trưởng được quyền tự lựa chọn kiểu trang phục phù hợp trong các tu viện. Tầm quan trọng của chiến thắng này là qua đó có thể đánh giá “lòng tự tin” của *Hội Thanh niên Phật giáo* khi họ sẽ đưa ra những mục tiêu chính trị rõ ràng hơn trong những năm tiếp theo<sup>(23)</sup>. Cụ thể, vào năm 1918, nhân sự kiện Chính phủ Anh thông báo ý định trao

quyền tự trị (self - government) cho Ấn Độ thuộc Anh, *Hội Thanh niên Phật giáo* nhanh chóng đưa ra yêu cầu tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ<sup>(24)</sup>. Có nhiều lý do khiến cho các nhà lãnh đạo của *Hội Thanh niên Phật giáo* bất mãn, quyết tâm đẩy mạnh cuộc đấu tranh nhằm tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ. Họ hy vọng việc tách ra này sẽ hạn chế được dòng người di cư từ Ấn Độ sang Miến Điện, chấm dứt được việc “nhập khẩu” luật pháp và cách thức tổ chức hành chính từ Ấn Độ không hề phù hợp với thực tiễn Miến Điện, đồng thời các nguồn thu nhập thặng dư của Miến Điện sẽ không phải gánh chịu cho Chính phủ Ấn Độ thuộc Anh nữa và chính sự cạnh tranh kinh tế ngày càng tăng đã làm cho người Miến Điện lo sợ rằng trong tương lai đất nước của họ “sẽ trở thành một nước chư hầu của khối thịnh vượng chung Ấn Độ do người Ấn Độ cai trị”<sup>(25)</sup>.

Trong những năm 1919 - 1920, *Hội Thanh niên Phật giáo* đã cử các phái đoàn sang Luân Đôn và đã giành được một số nhượng bộ nhỏ từ phía Chính quyền Anh. Mặc dù Miến Điện vẫn tiếp tục là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh song một số chức vụ không quan trọng của Chính phủ Ấn Độ thuộc Anh có thể được chuyển giao cho hai bộ trưởng người Miến Điện. Trong khi phái đoàn của *Hội Thanh niên Phật giáo* đang thương lượng ở Luân Đôn, những người đồng bào khác của họ đã quay trở về Miến Điện và đưa ra yêu cầu phải nâng cấp độ đấu tranh lên mức cao hơn để giành quyền tự trị, chứ không chỉ bằng lòng với những toan tính của người Anh<sup>(26)</sup>.

Đến đầu thế kỷ XX, việc mở rộng các

trường học bằng tiếng Anh đã khiến cho giáo dục của tăng viện bị “*xao nhãng nghiêm trọng*”<sup>(27)</sup>. Giáo dục đại học đã trở thành một vấn đề nổi lên hàng đầu, thu hút được sự quan tâm của dư luận xã hội Miến Điện. Công việc đầu tiên có liên quan tới việc tách khỏi Ấn Độ mà những nhà yêu nước Miến Điện quan tâm là làm sao Miến Điện có một trường đại học độc lập của mình.

Sự đấu tranh mạnh mẽ của các nhà yêu nước Miến Điện đã đưa đến việc thành lập trường Đại học Tổng hợp Rangun năm 1920 trên cơ sở sáp nhập Trường Cao đẳng chính phủ Rangun và Trường Cao đẳng dòng tu Baptist, và hai trường này trở thành hai phân viện của trường. Trường đại học tổng hợp đầu tiên của Miến Điện này đi vào hoạt động đúng vào thời điểm tinh thần dân tộc ngày càng dâng cao ở Miến Điện. Có thể coi việc Trường Đại học Tổng hợp Rangun và Bộ Giáo dục Miến Điện đấu tranh quyết liệt nhằm xây dựng một cơ cấu giáo dục không theo mô hình Đại học Calcutta<sup>(28)</sup> là bước đi cụ thể của cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ nhằm tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ thuộc Anh. Hệ quả là, các cơ sở giáo dục của nhà nước (chính quyền thực dân) và của các phái bộ truyền giáo trên phạm vi toàn Miến Điện bị tẩy chay, và Hội đồng giáo dục quốc gia đã “*cố gắng xây dựng một hệ thống giáo dục hoàn chỉnh không bị chính phủ kiểm soát. Giáo dục quốc gia sẽ là chìa khóa để mở cánh cửa đi tới độc lập dân tộc và tự cai trị*”<sup>(29)</sup>.

Năm 1919, Bộ trưởng phụ trách Ấn Độ Edwin Montagu và Phó vương Viscount Chelmsford đã cùng nhau soạn thảo và

cho công bố một Đạo luật Chính phủ Ấn Độ<sup>(30)</sup> (Hệ thống dyarchy), theo đó thành phần bầu cử vào nghị viện trung ương và Hội đồng lập pháp hàng tỉnh đã được mở rộng hơn so với cải cách năm 1909. Một số bộ không quan trọng như Nông nghiệp, Giáo dục và một số vị trí thứ yếu trong bộ máy hành chính được trao cho người Ấn, còn người Anh vẫn nắm những chức vụ chủ chốt trong các ngành Tài chính, Nội vụ, Cảnh sát... Nội dung đạo luật năm 1919 đã khiến cho một bộ phận trong giai cấp tư sản và địa chủ Ấn Độ thỏa mãn. Vậy đạo luật này có tác động như thế nào tới Miến Điện - một tỉnh của Ấn Độ. Trong quan niệm của người Anh, Miến Điện là “*tỉnh bình yên nhất ở Ấn Độ*” (the most placid province in India)<sup>(31)</sup> và không có một chính sách cải cách nào được mong đợi hoặc được quy định. Một thành viên của Nghị viện Anh từng tham gia ủy ban soạn thảo Đạo luật Chính phủ Ấn Độ đã nói rằng: “*Miến Điện không phải Ấn Độ. Dân chúng của nước này thuộc một chủng tộc khác, đang ở một giai đoạn phát triển chính trị khác và có những vấn đề hoàn toàn khác... các vấn đề về sự tiến triển chính trị của Miến Điện phải được nghiên cứu riêng và xem xét trong tương lai*”<sup>(32)</sup>. Nhiều người Miến Điện đã bị sốc đột ngột (a rude shock) khi họ biết được quan điểm của Chính phủ Anh về tương lai chính trị của Miến Điện<sup>(33)</sup>.

Hệ quả là, vào những ngày cuối năm 1920, tinh thần dân tộc của người dân Miến Điện lại sục sôi, thể hiện qua một cuộc tổng bãi khóa của tất cả các trường công và trường của các hội truyền giáo. Hàng trăm sinh viên đã tẩy chay trường

Đại học Tổng hợp Rangun vừa mới được thành lập để gia nhập trường “cao đẳng quốc gia” được thiết lập trong những ngôi chùa nằm trên triền dốc dẫn đến ngôi chùa Shwe Dagon uy nghi và thiêng liêng. Nhiều nhà sư trẻ có tư tưởng cấp tiến đã tỏa về các vùng nông thôn kêu gọi làm cách mạng<sup>(34)</sup>. Nhóm các nhà sư trẻ của *Hội Thanh niên Phật giáo* đã tách ra thành lập một tổ chức chính trị mới có tên là *Đại hội đồng các tổ chức Miến Điện* (General Council of Burmese Associations - GCBA), với chủ trương áp dụng các “kỹ thuật” về bất hợp tác của phong trào độc lập (Swaraj) ở Ấn Độ.

Mặc dù cuộc đấu tranh không buộc chính quyền thực dân Anh thay đổi chính sách đối với Miến Điện, song nó cũng đã đưa lại một kết quả tích cực là một số lượng khá lớn các trường dân tộc (national schools) đã được thành lập dưới sự quản lý của người Miến<sup>(35)</sup>. Chính sách đấu tranh tích cực được khởi xướng từ việc tẩy chay trường Đại học Tổng hợp Rangun cuối năm 1920 đã được tiếp tục đẩy mạnh trong suốt những năm 20 của thế kỷ trước, làm khuấy động bầu không khí cả ở thành thị và nông thôn Miến Điện. *Đại hội đồng các tổ chức Miến Điện* đã khuyến khích việc thành lập các tổ chức dân tộc cấp làng có tên Miến Điện là *wunthanu athin* (nòi giống của ta)<sup>(36)</sup>. Các tổ chức này đã vận động nông dân tẩy chay các quan chức chính phủ, kể cả các trưởng làng, từ chối không chịu nộp các khoản thuế.

Trước tinh thần đấu tranh mạnh mẽ của phong trào dân tộc Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của các nhà sư trẻ, Chính quyền Anh đã buộc phải có những nhượng bộ

nhỏ giọt. Năm 1921, Nghị viện Anh quyết định mở rộng sang Miến Điện chế độ lương quyền đã được áp dụng trên các tỉnh khác ở Ấn Độ căn cứ theo Đạo luật Chính phủ Ấn Độ năm 1919<sup>(37)</sup>. Một ủy ban cải cách Miến Điện đã được thành lập dưới sự lãnh đạo của Frederick Whyte. Ủy ban này đã soạn thảo những điều chỉnh trong chính sách cai trị của thực dân Anh ở Miến Điện. Năm 1923, Miến Điện trở thành một tỉnh dưới quyền của viên Toàn quyền. Ngoại trừ các xứ Shan, Karen và các vùng dân tộc thiểu số, phần còn lại của Miến Điện đã tiến hành các bước đầu tiên để tiến tới việc “*thực hiện dần dần một chế độ tự trị có trách nhiệm*”<sup>(38)</sup>.

Hiến pháp mới năm 1923 của Anh dành cho Miến Điện gồm những điểm chủ yếu như, Hội đồng Lập pháp sẽ tăng lên 103 thành viên, trong đó 79 người sẽ được bầu ra qua các cuộc bầu cử dân chủ!, hai người là quan chức (ex officio) và 22 người được bổ nhiệm; chính phủ sẽ do Toàn quyền đảm nhiệm với một Hội đồng hành pháp gồm hai thành viên phụ trách các vấn đề “*được giữ lại*” và hai bộ trưởng chịu trách nhiệm trước nghị viện, phụ trách các vấn đề “*được chuyển giao*”. Các vấn đề “*được giữ lại*” gồm quốc phòng, luật pháp và trật tự, tài chính và thuế. Các vấn đề “*được chuyển giao*” gồm giáo dục, y tế, lâm nghiệp và thuế môn bài. Ngoài ra Miến Điện còn được phép có 5 ghế trong Quốc hội mới ở New Delhi và Quốc hội đó xử lý những việc được gọi là “*các vấn đề trung tâm*”<sup>(39)</sup>.

Sự thay đổi trong chính sách cai trị của Anh đối với Miến Điện năm 1923 có vẻ như đem lại sự “*bình đẳng*” giữa Miến

Điện và các tỉnh khác của Ấn Độ thuộc Anh. Như vậy mục tiêu đấu tranh của các nhà yêu nước Miến Điện nhằm tách nước này ra khỏi Ấn Độ vẫn không thành hiện thực. D. G. E Hall đã hơi quá khi cho rằng sự thay đổi này “*đã làm cho Miến Điện được hưởng một mức độ tự trị thực sự trong các vấn đề ở địa phương cũng như ở cấp trung ương*”<sup>(40)</sup>.

Cuộc bầu cử Hội đồng Lập pháp năm 1922 đã khiến cho các đảng phái chính trị ở Miến Điện bị chia rẽ trong vấn đề tham gia hay không tham gia vào tiến trình bầu cử theo hiến pháp mới. Đa số các thành viên của *Đại hội đồng các tổ chức Miến Điện* đều tẩy chay cuộc bầu cử<sup>(41)</sup>. Bộ phận thiểu số của tổ chức này đã tách ra thành lập một đảng mới có tên là Đảng 21<sup>(42)</sup> (Twenty - One Party) dưới sự lãnh đạo của U Ba Pe. Đảng 21 chủ trương hợp tác có điều kiện chừng nào việc nhanh chóng đạt được tự trị không bị tổn hại do sự hợp tác đó. Đảng 21 đã giành được nhiều ghế nhất trong Hội đồng Lập pháp. Tuy nhiên, tỷ lệ 7% cử tri đi bầu cử cho thấy thực chất của “*các cuộc bầu cử dân chủ*” như cách gọi của D.G. E. Hall.

Lợi dụng khuôn khổ pháp lý mà bản Hiến pháp năm 1923 mà Chính quyền Anh trao cho Miến Điện, các nghị sĩ nước này đã đẩy mạnh cuộc đấu tranh với những mục tiêu cụ thể mang tính chất ôn hòa như: đòi cải thiện hơn nữa nền giáo dục nhằm làm cho người Miến Điện thích hợp với việc tự trị, đẩy nhanh việc “*Miến Điện hoá*” bộ máy viên chức, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế Miến Điện, đòi chấm dứt sự bóc lột của các thế lực ngoại bang<sup>(43)</sup>...



Thực tế đời sống kinh tế, chính trị, xã hội Miến Điện trong những thập niên đầu của thế kỷ XX cho thấy, việc thực dân Anh chấp nhận một vài nhượng bộ trước tinh thần đấu tranh của phong trào dân tộc Miến Điện chỉ làm thoả mãn một số ít người Miến. Chính sự chia rẽ về cách thức và mức độ đấu tranh giữa *Hội Thanh niên Phật giáo* và *Đại hội đồng các tổ chức Miến Điện* đã khiến cho tính hiệu quả của phong trào là rất thấp. D. G. E. Hall đã nhận xét rằng: "... ở Ấn Độ, dưới chế độ lương quyền, nghị sĩ cứ phát biểu, còn chính phủ thì vẫn cai trị như trước đây. Trong trường hợp của Miến Điện, chính sự lèo lái và mưu mô đã làm hỏng nỗ lực của phong trào dân tộc"<sup>(44)</sup>.

Sự phát triển ngày càng sôi động của phong trào dân tộc Miến Điện từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động tới sự thay đổi cách thức cai trị của chính quyền thực dân Anh ở đất nước này.

Do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933, đời sống của đa số người dân Miến Điện ngày càng khốn khổ, đặc biệt là nông dân. Sự cơ cực đã đẩy người nông dân đứng lên đấu tranh mạnh mẽ. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của những người nông dân quận Tharrawaddy vào tháng 12 năm 1930. Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa là một nhà sư Hsaya San - vốn là một thầy thuốc dân gian, một thành viên tích cực của phái cấp tiến trong *Đại hội đồng các tổ chức Miến Điện*. Các tổ chức dân tộc cấp làng *wun-thanu athin* chính là các hạt nhân của cuộc khởi nghĩa. Gánh nặng thuế khoá, nạn tội phạm, giá lúa gạo thấp, nạn nhập cư ô ạt của người Ấn Độ<sup>(45)</sup>, nạn thất

nghiệp... đã làm tăng thêm sự bất mãn của nông dân, của Phật giáo. Họ cho rằng đó tất cả những vấn đề đó là "*sản phẩm trực tiếp của chủ nghĩa thực dân*"<sup>(46)</sup>. Tuy Chính quyền Anh đã huy động một lực lượng đông đảo tới 12.000 quân, song phải mãi tới giữa năm 1932 mới dập tắt được cuộc khởi nghĩa. Sự hy sinh anh dũng của 3000 nghĩa quân đã "*tác động mạnh mẽ tới tinh thần dân tộc*"<sup>(47)</sup> của các tầng lớp nhân dân Miến Điện, làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín của bộ máy chính quyền thực dân Anh.

Cũng trong năm 1932, từ một cuộc vận động được khởi xướng bởi Liên đoàn sinh viên Miến Điện<sup>(48)</sup>, trường Đại học Tổng hợp Rangun, một tổ chức yêu nước mới, chịu ảnh hưởng chủ nghĩa dân tộc Ai len, chủ nghĩa Mác - Lênin đã được thành lập với tên gọi *Dobama Asi-ayone* (We Burmans Association). Sau khi cuộc khởi nghĩa nông dân quận Tharrawaddy bị đàn áp, *Dobama Asi-ayone* đã nhanh chóng trở thành tổ chức tập hợp những thanh niên trí thức trẻ tuổi giàu nhiệt huyết dân tộc. Những người lãnh đạo của tổ chức tự xưng là *thakin* hoặc "*masters*" (các ông chủ) ngụ ý rằng chính họ, chứ không phải là những người Anh, mới là những người có đầy đủ quyền thống trị Miến Điện<sup>(49)</sup>. Nhiều người trong số họ sau này trở thành những lãnh tụ tiêu biểu của phong trào dân tộc Miến Điện trong những năm 40 của thế kỷ XX, mà tiêu biểu nhất là Aung San, Thein Tin (Nyo Mya)... Trong những năm 1935 - 1936, tạp chí "Oway magazin" của trường Đại học Tổng hợp Rangun, do Aung San làm Tổng biên tập là một trong những diễn đàn cổ súy tích

cực cho phong trào dân tộc Miến Điện<sup>(50)</sup>.

Nhằm đối phó với phong trào cách mạng đang dâng cao ở Ấn Độ và Miến Điện, Anh đã triệt để thi hành chính sách "chia để trị"<sup>(51)</sup>. Hệ quả là Đạo luật về Chính phủ Ấn Độ năm 1935 đã quy định việc tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 1937<sup>(52)</sup>. Nếu như người Ấn Độ phản đối mạnh mẽ nội dung đạo luật mới về Chính phủ Ấn Độ này vì cho rằng đây là "Hiến pháp nô lệ"<sup>(53)</sup>, thì rõ ràng, với người Miến Điện đây là *cơ hội quý giá* để nước này tách ra khỏi Ấn Độ thuộc Anh sau gần nửa thế kỷ bị sáp nhập.

Bản hiến pháp mới của Miến Điện sau khi tách ra khỏi Ấn Độ thuộc Anh được đề cập đến trong phần XIV và đoạn X đến XV trong Đạo luật về Chính phủ Ấn Độ. Theo đó, Chính phủ Miến Điện trực thuộc Quốc hội Anh, Quốc vụ khanh phụ trách Ấn Độ trở thành Quốc vụ khanh phụ trách Ấn Độ và Miến Điện và một Bộ Miến Điện được thành lập đặt dưới quyền của một Thứ trưởng phụ trách Miến Điện. Toàn quyền Anh là người nắm các lĩnh vực trọng yếu như, quốc phòng, chính sách đối nội, đối ngoại và tiền tệ, tài chính và các khu vực lãnh thổ tách riêng ra (các tiểu quốc Shan, Karen và vùng thiểu số khác). Việc quản lý hành chính chung được trao cho một nội các gồm 10 bộ trưởng, đứng đầu là một Thủ tướng chịu trách nhiệm trước ngành lập pháp. Ngành lập pháp gồm hai viện. Thượng viện có 36 thành viên, một nửa do Hạ viện bầu ra và một nửa do Toàn quyền bổ nhiệm. Hạ viện gồm 132 thành viên, trong đó có 96 Hạ nghị sĩ do bầu cử chia theo lãnh thổ bầu

ra, số còn lại là đại diện của nhóm cộng đồng và các nhóm lợi ích khác nhau như trường Đại học Rangun, giới thương nhân, công đoàn...

### 3. Một số nhận xét

Việc Miến Điện trở thành một bộ phận của Ấn Độ thuộc Anh trong khoảng thời gian gần nửa thế kỷ (1886 - 1937) đã đưa lại nhiều tác động tới phong trào giải phóng dân tộc của nước này.

*Thứ nhất*, việc sáp nhập đã để lại nhiều hậu quả đối với nền kinh tế - xã hội Miến Điện. Miến Điện phải gồng mình gánh chịu những khoản chi phí của Chính phủ Ấn Độ thuộc Anh. Thực dân Anh chủ yếu khai thác nguồn tài nguyên sẵn có của Miến Điện để phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu (gạo, gỗ...), nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ đạo, kinh tế công thương nghiệp phát triển rất yếu ớt. Hệ quả là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển chậm chạp, và điều này giúp chúng ta giải thích vì sao *giai cấp tư sản Miến Điện lại rất nhỏ bé, đóng vai trò mờ nhạt trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc* (đây là điểm khác biệt rất lớn so với giai cấp tư sản Ấn Độ, Mã Lai hay ở các thuộc địa khác của Anh).

*Thứ hai*, trong suốt chiều dài của lịch sử Miến Điện, Phật giáo luôn chiếm giữ một vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của người dân Miến, và cũng luôn nhận được sự bảo hộ, trợ giúp có hiệu quả từ phía các vua, nền giáo dục tăng viện đã góp phần to lớn vào việc nâng cao trình độ dân trí, khơi dậy và bồi dưỡng truyền thống dân tộc. Có lẽ vì thế nên trong

những năm cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX, Phật giáo vẫn giữ vai trò đầu tàu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Thông qua các tổ chức của mình như Hội Thanh niên Phật giáo, Đại hội đồng các tổ chức Miến Điện, các nhà sư trẻ đã trở thành lực lượng đi tiên phong trong các phong trào đấu tranh nhằm vào chính quyền thực dân mạng đậm dấu ấn của Phật giáo (Phong trào chống đi giày trong các ngôi chùa và các chốn linh thiêng khác, phong trào tẩy chay trường Đại học Tổng hợp Rangun...).

*Thứ ba*, là một tỉnh của Ấn Độ thuộc Anh trong thời gian khá dài nên phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Miến Điện chịu ảnh hưởng mạnh mẽ về *cách thức đấu tranh* của phong trào dân tộc Ấn Độ. Tư tưởng “bất bạo động” và “bất hợp tác”, chủ trương đấu tranh hoà bình của Mohandas Karamchand Gandhi đã có tác động sâu sắc tới các tổ chức Phật giáo Miến Điện.

*Thứ tư*, chủ trương trao quyền tự trị cho Ấn Độ của Chính quyền Anh từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm loé lên tia hy vọng của các nhà yêu nước Miến Điện. Tuy nhiên, việc Anh quan niệm Miến Điện chỉ là một tỉnh “yên tĩnh” của Ấn Độ nên Anh không hề có ý định trao cho Miến Điện quyền tự trị như các tỉnh Ấn Độ khác. Vì thế, sự thất vọng của những người có tư tưởng cấp tiến trong phong trào dân tộc Miến Điện là lẽ đương nhiên. Những hậu quả nặng nề của việc Miến Điện bị sáp nhập vào Ấn Độ thuộc Anh đã có tác động lớn tới việc xác định mục tiêu đấu tranh của các nhà yêu nước Miến Điện từ đầu thập niên 20 của thế kỷ

trước: *trước tiên cần đấu tranh để tách Miến Điện ra khỏi Ấn Độ thuộc Anh*, sau đó mới đi tới tự trị rồi độc lập./.

## CHÚ THÍCH

1. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 900 - 901
2. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 904
3. Mindon lên ngôi năm 1826 khi mới 12 tuổi, ở vào thời điểm chủ quyền quốc gia của Miến Điện đang từng bước bị xâm hại sau khi Anh đã chiếm đoạt của nước này Pegu và một dải đất rộng phía Bắc Miến Điện. Bản thân ông nhận thấy sự yếu kém của mình, là “con người hòa bình, không phải là chiến binh” nên Mindon nhận ra rằng: “điều thiết yếu là phải có mối quan hệ tốt với người Anh”. Và trong suốt thời gian trị vì, vua Mindon đã làm như vậy. Mối quan tâm lớn nhất của ông là Phật giáo. Cho đến khi ông mất năm 1878, chính thái độ nhu nhược của Mindon đã khiến cho thực dân Anh ngày càng lấn tới. Tiêu biểu là việc ký Hiệp định thương mại năm 1862 cho phép thương nhân Anh được tự do hoạt động dọc theo chiều dài của sông Irrawaddy, Anh được cử đại diện thường trú tại Mandalay “để xóa bỏ sự hiểu lầm có thể xảy ra” (Dẫn theo, D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 899 - 904).
4. Năm 1873, Chính phủ Pháp cử Bá tước Rochechouart sang Miến Điện để tranh thủ phê chuẩn bản dự thảo hiệp định thương mại ký ở Pari. Trên đường đến Mandalay, tại Arga, Rochechouart có tiếp kiến Toàn quyền Anh, đưa ra lời bảo đảm kiên quyết nhất rằng “Pháp không có ý đồ gì với Miến Điện”. Việc đàm phán không đem lại kết quả vì Miến Điện muốn có một liên minh đầy đủ có quy định việc nhập vũ khí, còn Pháp thì muốn tiếp quản mỏ hồng

- ngọc tại Mogok - một trong những độc quyền mà Mindon không bao giờ chịu bỏ. Tuy vậy, đại diện Pháp và Miến Điện cũng đã đạt được sự nhất trí trên ba điều khoản bí mật: *Thứ nhất*, Pháp hứa làm trung gian giải quyết các tranh chấp trong đó Miến Điện là một bên tham gia; *thứ hai*, Pháp sẽ gửi sĩ quan đào tạo quân đội Miến Điện; *thứ ba*, người Pháp ở Miến Điện phải chịu sự tài phán của tòa án Miến Điện. Những điều khoản này vượt quá giới hạn của phái viên nên đã bị Bộ trưởng Ngoại giao Pháp bác bỏ (Dẫn theo, D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 912 - 913).
5. Dẫn theo, D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 914 - 915.
  6. Các hiệp định thương mại mà Miến Điện ký với Ấn Độ thuộc Anh đã dẫn đến sự tăng trưởng thương mại mạnh mẽ giữa Thượng và Hạ Miến Điện. Giá trị thương mại khu vực sông Irrawaddy tăng từ 7,1 triệu rupi năm 1858 -1859 lên 37,7 triệu rupi năm 1877 - 1878 (Dẫn theo, D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 915).
  7. Dẫn theo, D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 913.
  8. Dẫn theo D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 925 - 926.
  9. D.G.E. Hall, *Burma*, Hutchinson's University Library, 1998, p.142.
  10. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1045.
  11. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1046.
  12. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1044.
  13. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1049.
  14. Thant Myint - U, *The river of lost footsteps. Histories of Burma*, Farrar, Straus and Giroux, New York, 2006, p. 188.
  15. David Chandler, Norman G. Owen, William R. Roff, David Joel Steinberg, Jean Gelman Taylor, Robert H. Taylor, Alexander Woodside, David K. Wyatt, *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, Singapore University Press, 2005, p. 324.
  16. David Chandler..., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 324.
  17. David Chandler..., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 324.
  18. Ngay từ năm 1873, Anh đã thành lập trường Trung học song ngữ Anh - Miến Rangun. Sau một thời gian, trường này mở một khoa đại học và khoa đó sau này trở thành trường Cao đẳng Chính phủ ở Rangun. Năm 1884, trường này bắt đầu đào tạo sinh viên - những người sẽ tốt nghiệp trường Đại học Calcutta (Dẫn theo, D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1054).
  19. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1054.
  20. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1040.
  21. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1040.
  22. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1056.
  23. David Chandler..., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 324 - 325.
  24. David Chandler..., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 325.
  25. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1064.
  26. David Chandler..., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 325.
  27. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.d.d, tr. 1054.
  28. Túc mô hình tổ chức thi tốt nghiệp và cấp bằng cho cả sinh viên các trường đại học khác, khuyến khích các trường cao

- đẳng địa phương và đại học hợp tác trong đào tạo.
29. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1055.
  30. Dẫn theo: Thant Myint - U, *The river of lost footsteps. Histories of Burma*, p. 199.
  31. Dẫn theo: Thant Myint - U, *The river of lost footsteps. Histories of Burma*, p. 200.
  32. Dẫn theo: Thant Myint - U, *The river of lost footsteps. Histories of Burma*, p. 200.
  33. Thant Myint - U, *The river of lost footsteps. Histories of Burma*, p. 200.
  34. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1060.
  35. Điều đáng nói là các trường dân tộc này nhận được rất ít ngân sách từ phía chính quyền thực dân, phụ thuộc quá nhiều vào sự trợ giúp của các nhà hảo tâm (Thant Myint - U, *The river of lost footsteps. Histories of Burma*, p. 171).
  36. David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 325 - 326.
  37. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1060.
  38. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1060.
  39. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1060 - 1061.
  40. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1061.
  41. David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 326.
  42. Con số 21 dùng để chỉ số người ký tên vào bản cương lĩnh của đảng.
  43. Trong những năm 1929 - 1934 có tới hơn 2 triệu mẫu Anh (800.000 ha) đất canh tác của những người nông dân Miến Điện bị rơi vào tay những kẻ cho vay lãi người Ấn Độ. Hệ quả là nhiều cuộc bạo loạn chống người Ấn Độ đã bùng phát, bắt đầu từ Rangun (tháng 5 năm 1930), sau đó nhanh chóng lan rộng ra khắp Miến Điện trong những năm tiếp theo (David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 327).
  44. D.G.E. Hall, *Lịch sử Đông Nam Á*, s.đ.d, tr. 1063.
  45. Chính quyền Anh cho phép dân Ấn Độ được tự do di dân sang Miến Điện đã làm tăng đáng kể số lượng người Ấn Độ ở Miến Điện. Vào năm 1931, khoảng 7% dân số Miến Điện là người Ấn Độ. Rangun là thành phố có rất đông dân nhập cư đến từ Ấn Độ, Mã Lai, Xingapo.... Cũng vào năm 1931, ở Rangun có tới 53% dân nhập cư là người Ấn Độ (Dẫn theo, Lương Ninh, Đỗ Thanh Bình, Trần Thị Vinh, *Lịch sử Đông Nam Á*, NXB. Giáo dục, 2005, tr. 235).
  46. David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 327
  47. David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 328.
  48. Liên đoàn Sinh viên Miến Điện (All Burma Students Union) do Aung San làm Chủ tịch.
  49. David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 329.
  50. Maung Maung, *Aung San of Burma*, Published for Yale University, Southeast Asia Studies, by Martinus Nyhoff, The Hague, 1962, p. 26 - 27.
  51. Có thể coi đạo luật chia cắt Bengan mà Anh ban hành năm 1905 là một ví dụ điển hình. Đến những năm 30 của thế kỷ XX, theo yêu cầu của Liên đoàn Hồi giáo, Anh lại chia cắt xứ Xinh (Sind) (Dẫn theo, Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Ấn Độ*, NXB. Giáo dục, 1995, tr. 119.
  52. David Chandler...., *The Emergence of Modern Southeast Asia. A New History*, p. 328
  53. Dẫn theo, Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử Ấn Độ*, s.đ.d, tr. 120.